HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH
VÀ QUẢN TRỊ CÔNG
**PHÂN HIỆU HỌC VIỆN**
**HÀNH CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ CÔNG**
**TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
*
Số 2344-KH/PHHCM

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2026*

# KẾ HOẠCH
**tổ chức thi, chấm thi kết thúc học phần học kỳ 1, năm học 2026-2027 các lớp đại học chính quy khóa trúng tuyển năm 2025**
---

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

Để đảm bảo tiến độ đào tạo đối với các lớp đại học chính quy, khóa trúng tuyển năm 2025, Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Tp. Hồ Chí Minh ban hành kế hoạch tổ chức thi, chấm thi kết thúc học phần học kỳ 1 năm học 2026-2027 các lớp đại học chính quy, khóa trúng tuyển năm 2025.

### 2. Yêu cầu

- Công tác tổ chức thi và chấm thi đảm bảo đúng quy chế, chính xác, công khai, công bằng;

- Có sự phối hợp chặt chẽ với các đơn vị để kỳ thi được tổ chức an toàn, hiệu quả, đúng quy định.

## II. NỘI DUNG

**1. Thời gian thi:** Từ ngày 16/12/2026 đến ngày 08/01/2027 *(lịch thi cụ thể kèm theo)*.

### 2. Thời gian chấm thi và thông báo điểm, phúc khảo

2.1. Thời gian chấm thi: Từ ngày 16/12/2026 đến ngày 25/01/2027.

2.2. Thời gian thông báo điểm: Trong vòng 3 tuần sau ngày thi cuối cùng.

2.3. Thời hạn nộp đơn phúc khảo bài thi: Sinh viên nộp đơn phúc khảo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố điểm thi cuối cùng trong kỳ thi.

**3. Địa điểm tổ chức thi:** Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Thành phố Hồ Chí Minh, cơ sở 2, số 181 Lê Đức Thọ, phường Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

**4. Địa điểm tổ chức chấm:** Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Thành phố Hồ Chí Minh, số 10 đường 3/2, phường Hòa Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

**5. Nội dung thi:** Theo lịch thi ban hành.

## III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Phòng Quản lý đào tạo và Khoa học

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Học viện và Phân hiệu để tổ chức kỳ thi theo đúng Quyết định số 2301-QĐ/HVHC&QTC ngày 03/6/2026 của Giám đốc Học viện Hành chính và Quản trị công ban hành Quy chế tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo trình độ đại học của Học viện Hành chính và Quản trị công.

- Liên hệ với Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo của Học viện để nhận đề thi, sao y và bảo quản đề thi theo đúng quy định.

- Liên hệ với Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, các Khoa thuộc Học viện và các Khoa thuộc Phân hiệu tổ chức chấm thi theo đúng quy định.

- Tiếp nhận và lưu trữ bảng điểm bộ phận, bảng điểm thi kết thúc học phần theo đúng quy định.

### 2. Phòng Hành chính - Kế toán

- Lập danh sách học viên chưa đóng học phí và chuyển cho Phòng Quản lý đào tạo và Khoa học trước ngày thi đầu tiên 5 ngày.

- Thanh quyết toán kinh phí phục vụ kỳ thi theo quy định.

### 3. Phòng Quản trị

- Sắp xếp, bố trí phòng thi theo kế hoạch thi.

- Chuẩn bị các điều kiện phục vụ công tác thi.

### 4. Tổ Thanh tra

Thanh tra, kiểm tra quá trình tổ chức thi, chấm thi theo quy định.

### 5. Các Khoa chuyên môn

- Tiếp nhận kế hoạch thi, chấm thi và phối hợp tổ chức thi, chấm thi kết thúc học phần theo quy định.

- Liên hệ với giảng viên để phối hợp trong công tác ra đề thi đối với các đề thi không có trong ngân hàng đề của Học viện.

- Liên hệ với giảng viên mời để lấy điểm kiểm tra bộ phận và chuyển về Phòng Quản lý đào tạo và Khoa học 10 ngày trước buổi thi.

- Đề xuất cán bộ coi thi, giám sát thi, chấm thi và đôn đốc nhắc nhở giảng viên tham gia coi thi, giám sát thi và chấm thi theo kế hoạch.

- Các khoa đôn đốc giảng viên thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định, cụ thể:

+ Lập bảng điểm kiểm tra bộ phận gồm điểm kiểm tra thường xuyên và điểm kiểm tra định kỳ, xác định rõ sinh viên đủ hay không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần, lập thành 03 bản, 02 bản gửi về Phòng Quản lý đào tạo và Khoa học; 01 bản gửi các Khoa quản lý học phần trong vòng 5 ngày sau khi kết thúc buổi giảng dạy cuối cùng hoặc 5 ngày trước buổi thi.

+ Nhập điểm kiểm tra bộ phận vào phần mềm quản lý đào tạo trước ngày thi 05 ngày.

**6. Sinh viên các lớp đại học chính quy khóa trúng tuyển năm 2025.**

- Xem lịch thi trên Website của Phân hiệu.

- Xem số báo danh, danh sách phòng thi trên phần mềm quản lý đào tạo.

- Sinh viên kiểm tra điểm giữa kỳ và điều kiện dự thi trên phần mềm. Mọi thắc mắc của sinh viên về điểm giữa kỳ liên hệ Thư ký Khoa hoặc Giảng viên giảng dạy học phần để được giải đáp. Phòng Quản lý đào tạo và Khoa học không giải đáp các vấn đề liên quan đến điểm giữa kỳ và điều kiện dự thi.

- Sinh viên nộp bài tiểu luận/bài tập lớn theo thời gian trong lịch thi, nộp vào phần mềm của Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, Học viện Hành chính và Quản trị công. Sau thời gian quy định, phần mềm tự động khóa. Trường hợp lỗi do phần mềm, sinh viên chụp ảnh và phản hồi về Phòng Quản lý đào tạo và Khoa học.

- Sinh viên vắng thi có lý do chính đáng phải làm đơn xin hoãn thi nêu rõ lý do kèm theo hồ sơ, minh chứng có liên quan gửi về Phòng Quản lý đào tạo và Khoa học trước ngày thi. Trường hợp đột xuất, thời gian nộp đơn xin hoãn thi kèm hồ sơ, minh chứng sau ngày thi chậm nhất 5 ngày làm việc.

- Nộp đơn phúc khảo kết quả thi tại Phòng Quản lý đào tạo và Khoa học.

**K/T GIÁM ĐỐC**
PHÓ GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
PHÂN HIỆU
HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH
VÀ QUẢN TRỊ CÔNG
TẠI THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ CÔNG

**Nguyễn Thị Phương**

Nơi nhận:
- Ban Giám đốc Học viện (để b/c);
- Trung tâm KT&ĐBCLĐT Học viện;
- Ban Giám đốc Phân hiệu;
- Các đơn vị thuộc Phân hiệu,
- Website Phân hiệu;
- Lưu văn thư, ĐTKH.

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH
VÀ QUẢN TRỊ CÔNG
**PHÂN HIỆU HỌC VIỆN**
**HÀNH CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ CÔNG**
**TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

# LỊCH THI, CHẤM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2026-2027
# CÁC LỚP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, KHÓA TRÚNG TUYỂN NĂM 2025

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 2344 -KH/PHHCM ngày 05 /11 /2026 của Giám đốc Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Tp. Hồ Chí Minh)*

| STT | Ngày thi, nộp bài tập lớn/TL | Mã học phần | Tên học phần | Số TC | Tên lớp tín chỉ | SLSV | Hình thức thi | Thời gian chấm dự kiến | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Từ ngày 24/12/2026 đến trước 17h00 ngày 25/12/2026 | SMF0003 | Đạo đức và trách nhiệm xã hội | 3 | SMF0003-2505QLN+2505QTN+2505QTV+2505LTH+2505VTL+2505KTE.1_LT | 59 | Tiểu luận | Từ ngày 04/01/2027 đến 29/01/2027 | Giao đề ngày 18/12/2026 |
| | | | | | SMF0003-2505QLN+2505QTN+2505QTV+2505LTH+2505VTL+2505KTE.10_LT | 57 | | | |
| | | | | | SMF0003-2505QLN+2505QTN+2505QTV+2505LTH+2505VTL+2505KTE.11_LT | 59 | | | |
| | | | | | SMF0003-2505QLN+2505QTN+2505QTV+2505LTH+2505VTL+2505KTE.12_LT | 58 | | | |
| | | | | | SMF0003-2505QLN+2505QTN+2505QTV+2505LTH+2505VTL+2505KTE.2_LT | 63 | | | |
| | | | | | SMF0003-2505QLN+2505QTN+2505QTV+2505LTH+2505VTL+2505KTE.3_LT | 72 | | | |
| | | | | | SMF0003-2505QLN+2505QTN+2505QTV+2505LTH+2505VTL+2505KTE.4_LT | 68 | | | |
| | | | | | SMF0003-2505QLN+2505QTN+2505QTV+2505LTH+2505VTL+2505KTE.5_LT | 64 | | | |
| | | | | | SMF0003-2505QLN+2505QTN+2505QTV+2505LTH+2505VTL+2505KTE.6_LT | 75 | | | |
| | | | | | SMF0003-2505QLN+2505QTN+2505QTV+2505LTH+2505VTL+2505KTE.7_LT | 76 | | | |
| | | | | | SMF0003-2505QLN+2505QTN+2505QTV+2505LTH+2505VTL+2505KTE.8_LT | 78 | | | |
| | | | | | SMF0003-2505QLN+2505QTN+2505QTV+2505LTH+2505VTL+2505KTE.9_LT | 41 | | | |

| STT | Ngày thi, nộp bài tập lớn/TL | Mã học phần | Tên học phần | Số TC | Tên lớp tín chỉ | SLSV | Hình thức thi | Thời gian chấm dự kiến | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Từ ngày 24/12/2026 đến trước 25/12/2026 | SLF25-1005 | Xây dựng lập luận pháp lý và viết trong nghề luật | 3 | SLF25-1005-2505LHO+2505TTR.1_LT | 65 | Bài tập lớn | Từ ngày 04/01/2027 đến 29/01/2027 | Giao đề ngày 18/12/2026 |
| | | | | | SLF25-1005-2505LHO+2505TTR.2_LT | 63 | | | |
| | | | | | SLF25-1005-2505LHO+2505TTR.3_LT | 61 | | | |
| | | | | | SLF25-1005-2505LHO+2505TTR.4_LT | 66 | | | |
| 3 | Từ ngày 05/01/2027 đến trước 17h00 ngày 06/01/2027 | ASF25-1004 | Kỹ năng phân công và phối hợp trong tổ chức | 2 | ASF25-1004-2505QLN.1_LT | 63 | Bài tập lớn | Từ ngày 10/01/2027 đến 29/01/2027 | Giao đề ngày 28/12/2026 |
| | | | | | ASF25-1004-2505QLN.2_LT | 72 | | | |
| | | AMF25-1002 | Lịch sử văn thư, lưu trữ Việt Nam | 3 | AMF25-1002-2505LTH+2505VTL.1_LT | 60 | Tiểu luận | | |
| | | | | | AMF25-1002-2505LTH+2505VTL.2_LT | 40 | | | |
| | | SLF25-2002 | Phân tích chính sách trong xây dựng pháp luật | 3 | SLF25-2002-2505LHO+2505TTR.1_LT | 63 | Bài tập lớn | | |
| | | | | | SLF25-2002-2505LHO+2505TTR.2_LT | 63 | | | |
| | | | | | SLF25-2002-2505LHO+2505TTR.3_LT | 60 | | | |
| | | | | | SLF25-2002-2505LHO+2505TTR.4_LT | 69 | | | |

| STT | Ngày thi, nộp bài tập lớn/TL | Mã học phần | Tên học phần | Số TC | Tên lớp tín chỉ | SLSV | Hình thức thi | Thời gian chấm dự kiến | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | Ngày 16/12/2026 | ISF0010 | Giáo dục thể chất | 3 | ISF0010-2505LHOC+2505TTR+ 2505KTE.1_LT | 66 | Thực hành | Ngày 16/12/2026 | |
| | | | | | CIF0010-(GHEP)2505LHO+ 2505TTR+2505KTE.1_LT | 2 | | | |
| | | | | | ISF0010-2505LHOC+2505TTR+ 2505KTE.2_LT | 70 | | | |
| | | | | | ISF0010-2505LHOC+2505TTR+ 2505KTE.3_LT | 70 | | | |
| | | | | | ISF0010-2505LHOC+2505TTR+ 2505KTE.4_LT | 70 | | | |
| | | | | | ISF0010-2505LHOC+2505TTR+ 2505KTE.5_LT | 68 | | | |
| | | | | | CIF0010-(GHEP)2505LHO+ 2505TTR+2505KTE.5_LT | 1 | | | |
| | | | | | ISF0010-2505LHOC+2505TTR+ 2505KTE.6_LT | 63 | | | |
| | | | | | CIF0010-(GHEP)2505LHO+ 2505TTR+2505KTE.6_LT | 4 | | | |
| | | | | | ISF0010-2505LHOC+2505TTR+ 2505KTE.7_LT | 67 | | | |
| 5 | Ngày 17/12/2026 và chiều 18/12/2026 | ISF0013 | Tiếng Anh giao tiếp và hội nhập | 5 | ISF0013-2505QTN+2505QTV+ 2505XDD.1_LT | 34 | Vấn đáp | Ngày 17/12/2026 và chiều 18/12/2026 | |
| | | | | | ISF0013-2505QTN+2505QTV+ 2505XDD.2_LT | 30 | | | |
| | | | | | ISF0013-2505QTN+2505QTV+ 2505XDD.3_LT | 35 | | | |
| | | | | | ISF0013-2505QTN+2505QTV+ 2505XDD.4_LT | 32 | | | |
| | | | | | ISF0013-2505QTN+2505QTV+ 2505XDD.5_LT | 32 | | | |
| | | | | | ISF0013-2505QTN+2505QTV+ 2505XDD.6_LT | 31 | | | |

| STT | Ngày thi, nộp bài tập lớn/TL | Mã học phần | Tên học phần | Số TC | Tên lớp tín chỉ | SLSV | Hình thức thi | Thời gian chấm dự kiến | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Ngày 17/12/2026 và chiều 18/12/2026 | ISF0013 | Tiếng Anh giao tiếp và hội nhập | 5 | ISF0013-2505QTN+2505QTV+ 2505XDD.7_LT | 38 | Vấn đáp | Ngày 17/12/2026 và chiều 18/12/2026 | |
| | | | | | ISF0013-2505QTN+2505QTV+ 2505XDD.8_LT | 38 | | | |
| | | | | | ISF0013-2505QTN+2505QTV+ 2505XDD.9_LT | 37 | | | |
| | | | | | ISF0013-2505QTN+2505QTV+ 2505XDD.10_LT | 39 | | | |
| | | | | | ISF0013-2505QTN+2505QTV+ 2505XDD.11_LT | 38 | | | |
| | | | | | ISF0013-2505QTN+2505QTV+ 2505XDD.12_LT | 41 | | | |
| 7 | Ngày 17/12/2026 và sáng 18/12/2026 | ISF1003 | Chính trị học đại cương | 3 | ISF1003-2505QLN.1_LT | 60 | Vấn đáp | Ngày 17/12/2026 và sáng 18/12/2026 | |
| | | | | | ISF1003-2505QLN.2_LT | 62 | | | |
| | | HRF2062 | Kỹ năng làm việc nhóm | 2 | HRF2062-2505LTH+2505VTL.1_LT | 61 | Vấn đáp | | |
| | | | | | HRF2062-2505LTH+2505VTL.2_LT | 46 | | | |
| 8 | 8h00 ngày 24/12/2026 | AMF25-1007 | Chính phủ số | 3 | AMF25-1007-2505QTV.1_LT | 73 | Tự luận | Từ ngày 28/12/2026 đến 20/01/2027 | |
| | | | | | AMF25-1007-2505QTV.2_LT | 74 | | | |
| | | | | | AMF25-1007-2505QTV.3_LT | 76 | | | |
| | | ISF0004 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | ISF0004-2505QLN+2505XDD.1_LT | 72 | Trắc nghiệm kết hợp tự luận | | |
| | | | | | ISF0004-2505QLN+2505XDD.2_LT | 60 | | | |
| | | | | | PSF0009-(GHEP)2505QLN+2505XDD.2_LT | 3 | | | |
| | | | | | ISF0004-2505QLN+2505XDD.3_LT | 68 | | | |

| STT | Ngày thi, nộp bài tập lớn/TL | Mã học phần | Tên học phần | Số TC | Tên lớp tín chỉ | SLSV | Hình thức thi | Thời gian chấm dự kiến | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | 10h00 ngày 24/12/2026 | AMF2058 | Kỹ thuật điều hành công sở | 3 | AMF2058-2305QLN+2405QTV+ 2405VTL+2505QTN.1_LT | 57 | Tự luận | Từ ngày 28/12/2026 đến 20/01/2027 | |
| | | | | | ASF2005-(GHEP)2305QLN+ 2405QTV+2405VTL+2505QTN.1_LT | 1 | | | |
| | | | | | AMF2058-2305QLN+2405QTV+ 2405VTL+2505QTN.2_LT | 58 | | | |
| | | | | | AMF2058-2305QLN+2405QTV+ 2405VTL+2505QTN.3_LT | 64 | | | |
| | | | | | AMF2058-2305QLN+2405QTV+ 2405VTL+2505QTN.4_LT | 57 | | | |
| | | | | | AMF2058-2305QLN+2405QTV+ 2405VTL+2505QTN.5_LT | 60 | | | |
| | | | | | AMF2058-2305QLN+2405QTV+ 2405VTL+2505QTN.6_LT | 61 | | | |
| | | | | | AMF2058-2305QLN+2405QTV+ 2405VTL+2505QTN.7_LT | 59 | | | |
| | | | | | AMF2058-2305QLN+2405QTV+ 2405VTL+2505QTN.8_LT | 40 | | | |
| | | | | | AMF2058-2305QLN+2405QTV+ 2405VTL+2505QTN.9_LT | 67 | | | |
| | | | | | AMF2058-2305QLN+2405QTV+ 2405VTL+2505QTN.10_LT | 65 | | | |
| | | | | | ASF2005-(GHEP)2305QLN+ 2405QTV+2405VTL+2505QTN.6_LT | 1 | | | |
| | | | | | ASF2005-(GHEP)2305QLN+ 2405QTV+2405VTL+2505QTN.8_LT | 1 | | | |

| STT | Ngày thi, nộp bài tập lớn/TL | Mã học phần | Tên học phần | Số TC | Tên lớp tín chỉ | SLSV | Hình thức thi | Thời gian chấm dự kiến | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | 14h00 ngày 24/12/2026 | AMF25-1005 | Kỹ năng soạn thảo văn bản | 3 | AMF25-1005-2505LTH+2505VTL+2505QTV.1_LT | 64 | Tự luận | Từ ngày 28/12/2026 đến 20/01/2027 | |
| | | | | | AMF25-1005-2505LTH+2505VTL+2505QTV.2_LT | 40 | | | |
| | | | | | AMF25-1005-2505LTH+2505VTL+2505QTV.3_LT | 76 | | | |
| | | | | | AMF25-1005-2505LTH+2505VTL+2505QTV.4_LT | 76 | | | |
| | | | | | AMF25-1005-2505LTH+2505VTL+2505QTV.5_LT | 77 | | | |
| 11 | 8h00 ngày 25/12/2026 | ISF0005 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | ISF0005-2405KTE+2405LTH+2405VTL+2505LHO+2505TTR.1_LT | 35 | Trắc nghiệm kết hợp tự luận | Từ ngày 28/12/2026 đến 20/01/2027 | |
| | | | | | ISF0005-2405KTE+2405LTH+2405VTL+2505LHO+2505TTR.2_LT | 53 | | | |
| | | | | | ISF0005-2405KTE+2405LTH+2405VTL+2505LHO+2505TTR.3_LT | 40 | | | |
| | | | | | PSF0010-(GHEP)2405KTE+2405LTH+2405VTL+2505LHO+2505TTR.3_LT | 2 | | | |
| | | | | | ISF0005-2405KTE+2405LTH+2405VTL+2505LHO+2505TTR.4_LT | 43 | | | |
| | | | | | PSF0010-(GHEP)2405KTE+2405LTH+2405VTL+2505LHO+2505TTR.4_LT | 1 | | | |
| | | | | | ISF0005-2405KTE+2405LTH+2405VTL+2505LHO+2505TTR.5_LT | 42 | | | |
| | | | | | PSF0010-(GHEP)2405KTE+2405LTH+2405VTL+2505LHO+2505TTR.5_LT | 1 | | | |
| | | | | | ISF0005-2405KTE+2405LTH+2405VTL+2505LHO+2505TTR.6_LT | 62 | | | |
| | | | | | ISF0005-2405KTE+2405LTH+2405VTL+2505LHO+2505TTR.7_LT | 58 | | | |
| | | | | | ISF0005-2405KTE+2405LTH+2405VTL+2505LHO+2505TTR.8_LT | 65 | | | |
| | | | | | ISF0005-2405KTE+2405LTH+2405VTL+2505LHO+2505TTR.9_LT | 67 | | | |

| STT | Ngày thi, nộp bài tập lớn/TL | Mã học phần | Tên học phần | Số TC | Tên lớp tín chỉ | SLSV | Hình thức thi | Thời gian chấm dự kiến | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | 10h00 ngày 25/12/2026 | ASF2019 | Lịch sử hành chính nhà nước Việt Nam | 3 | ASF2019-2405QLN+2505QLN.1_LT | 71 | Tự luận | Từ ngày 28/12/2026 đến 20/01/2027 | |
| | | | | | ASF2019-2405QLN+2505QLN.2_LT | 75 | | | |
| | | | | | ASF2019-2405QLN+2505QLN.3_LT | 69 | | | |
| | | | | | ASF2019-2405QLN+2505QLN.4_LT | 73 | | | |
| | | | | | ASF2019-2405QLN+2505QLN.5_LT | 69 | | | |
| | | | | | ASF2019-2405QLN+2505QLN.6_LT | 74 | | | |
| 13 | 14h00 ngày 25/12/2026 | ISF25-2022 | Lý luận về xây dựng chính quyền | 3 | ISF25-2022-2505XDD.1_LT | 72 | Tự luận | | |
| | | EMF2047 | Nguyên lý kế toán | 3 | EMF2047-2305QTV+2505KTE.1_LT | 58 | Trắc nghiệm kết hợp tự luận | | |
| | | | | | EMF2047-2305QTV+2505KTE.2_LT | 62 | | | |
| | | | | | EMF2047-2305QTV+2505KTE.3_LT | 60 | | | |
| | | | | | EMF2047-2305QTV+2505KTE.4_LT | 44 | | | |
| | | | | | EMF2047-2305QTV+2505KTE.5_LT | 40 | | | |
| 14 | Ngày 28/12/2026 | AMF25-2031 | Nghiệp vụ văn thư | 3 | AMF25-2031-2505LTH.1_LT | 60 | Vấn đáp | Ngày 28/12/2026 | |
| 15 | Từ ngày 28/12/2026 đến 29/12/2026 | ISF2004 | Quyền lực chính trị | 3 | ISF2004-2505QLN.1_LT | 64 | Vấn đáp | | |
| | | | | | ISF2004-2505QLN.2_LT | 73 | | | |

| STT | Ngày thi, nộp bài tập lớn/TL | Mã học phần | Tên học phần | Số TC | Tên lớp tín chỉ | SLSV | Hình thức thi | Thời gian chấm dự kiến | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 16 | 8h00 ngày 28/12/2026 | ASF25-2023 | Lãnh đạo và quản trị trong kỷ nguyên mới | 2 | ASF25-2023-2505XDD.1_LT | 72 | Tự luận | Từ ngày 03/01/2026 đến 25/01/2026 | |
| | | HRF25-1001 | Tâm lý học quản lý | 3 | HRF25-1001-2505QTN+2505QTV.1_LT | 68 | Tự luận | | |
| | | | | | HRF25-1001-2505QTN+2505QTV.2_LT | 62 | | | |
| | | | | | HRF25-1001-2505QTN+2505QTV.3_LT | 75 | | | |
| | | | | | HRF25-1001-2505QTN+2505QTV.4_LT | 76 | | | |
| | | | | | HRF25-1001-2505QTN+2505QTV.5_LT | 78 | | | |
| 17 | 10h00 ngày 28/12/2026 | EMF25-2015 | Thương mại điện tử | 3 | EMF25-2015-2505KTE.1_LT | 58 | Tự luận | Từ ngày 03/01/2026 đến 25/01/2026 | |
| | | | | | EMF25-2015-2505KTE.2_LT | 61 | | | |
| | | | | | EMF25-2015-2505KTE.3_LT | 58 | | | |
| 18 | 8h00 ngày 29/12/2026 | AMF25-2016 | Tổ chức quản lý văn bản, con dấu và thiết bị lưu khóa bí mật | 4 | AMF25-2016-2505VTL.1_LT | 40 | Vấn đáp | Ngày 29/12/2026 | |
| 19 | Ngày 29/12/0026 | ISF25-2020 | Xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ | 4 | ISF25-2020-2505XDD.1_LT | 72 | Vấn đáp | Ngày 29/12/2026 | |
| 20 | Từ ngày 29/12/2026 đến 31/12/2026 | AMF25-1006 | Quản trị văn phòng đại cương | 3 | AMF25-1006-2505QTN+2505LTH+2505VTL.1_LT | 60 | Vấn đáp | Từ ngày 29/12/2026 đến 31/12/2026 | |
| | | | | | AMF25-1006-2505QTN+2505LTH+2505VTL.2_LT | 70 | | | |
| | | | | | AMF25-1006-2505QTN+2505LTH+2505VTL.3_LT | 64 | | | |
| | | | | | AMF25-1006-2505QTN+2505LTH+2505VTL.4_LT | 42 | | | |

| STT | Ngày thi, nộp bài tập lớn/TL | Mã học phần | Tên học phần | Số TC | Tên lớp tín chỉ | SLSV | Hình thức thi | Thời gian chấm dự kiến | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 21 | 2 ca 8h00 và 9h00 ngày 30/12/2026 | ISF0003 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 2 | ISF0003-2505LHO+2505TTR.1_LT | 63 | Trắc nghiệm trên máy | Ngày 30/12/2026 | Phòng máy số 10 đường 3/2 |
| | | | | | ISF0003-2505LHO+2505TTR.2_LT | 52 | | | |
| | | | | | PSF0008-(GHEP).2_LT | 1 | | | |
| | | | | | ISF0003-2505LHO+2505TTR.3_LT | 59 | | | |
| | | | | | PSF0008-(GHEP).3_LT | 3 | | | |
| | | | | | ISF0003-2505LHO+2505TTR.4_LT | 67 | | | |
| 22 | 10h00 ngày 30/12/2026 | ASF25-1001 | Quản lý học | 3 | ASF25-1001-2505XDD.1_LT | 75 | Trắc nghiệm | 10h00 ngày 30/12/2026 | |
| 23 | 2 ca 14h00 và 15h00 ngày 30/12/2026 | EMF2030 | Quản lý nhà nước về kinh tế | 3 | EMF2030-2505KTE.1_LT | 59 | Trắc nghiệm | Ngày 30/12/2026 | |
| | | | | | EMF2030-2505KTE.2_LT | 60 | | | |
| | | | | | EMF2030-2505KTE.3_LT | 59 | | | |
| 24 | Ngày 31/12/2026 | ISF0006 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | ISF0006+2405KTE+2405LTH+2405LHO+2405TTR+2505LHO+2505TTR+2505QTV.1_LT | 41 | Trắc nghiệm | Ngày 31/12/2026 | |
| | | | | | PSF0011-(GHEP)2405KTE+2405LTH+2405LHO+2405TTR+2505LHO+2505TTR+2505QTV.1_LT | 1 | | | |
| | | | | | ISF0006+2405KTE+2405LTH+2405LHO+2405TTR+2505LHO+2505TTR+2505QTV.2_LT | 63 | | | |
| | | | | | ISF0006+2405KTE+2405LTH+2405LHO+2405TTR+2505LHO+2505TTR+2505QTV.3_LT | 41 | | | |
| | | | | | ISF0006+2405KTE+2405LTH+2405LHO+2405TTR+2505LHO+2505TTR+2505QTV.4_LT | 48 | | | |

| STT | Ngày thi, nộp bài tập lớn/TL | Mã học phần | Tên học phần | Số TC | Tên lớp tín chỉ | SLSV | Hình thức thi | Thời gian chấm dự kiến | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 25 | Ngày 31/12/2026 | ISF0006 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | ISF0006+2405KTE+2405LTH+2405LHO+2405TTR+2505LHO+2505TTR+2505QTV.5_LT | 40 | Trắc nghiệm | Ngày 31/12/2026 | Phòng máy số 10 đường 3/2 |
| | | | | | ISF0006+2405KTE+2405LTH+2405LHO+2405TTR+2505LHO+2505TTR+2505QTV.6_LT | 33 | | | |
| | | | | | PSF0011-(GHEP)2405KTE+2405LTH+2405LHO+2405TTR+2505LHO+2505TTR+2505QTV.6_LT | 1 | | | |
| | | | | | ISF0006+2405KTE+2405LTH+2405LHO+2405TTR+2505LHO+2505TTR+2505QTV.7_LT | 72 | | | |
| | | | | | ISF0006+2405KTE+2405LTH+2405LHO+2405TTR+2505LHO+2505TTR+2505QTV.8_LT | 69 | | | |
| | | | | | ISF0006+2405KTE+2405LTH+2405LHO+2405TTR+2505LHO+2505TTR+2505QTV.9_LT | 61 | | | |
| | | | | | ISF0006+2405KTE+2405LTH+2405LHO+2405TTR+2505LHO+2505TTR+2505QTV.10_LT | 62 | | | |
| | | | | | ISF0006+2405KTE+2405LTH+2405LHO+2405TTR+2505LHO+2505TTR+2505QTV.11_LT | 69 | | | |
| | | | | | ISF0006+2405KTE+2405LTH+2405LHO+2405TTR+2505LHO+2505TTR+2505QTV.12_LT | 80 | | | |
| | | | | | ISF0006+2405KTE+2405LTH+2405LHO+2405TTR+2505LHO+2505TTR+2505QTV.13_LT | 79 | | | |
| | | | | | ISF0006+2405KTE+2405LTH+2405LHO+2405TTR+2505LHO+2505TTR+2505QTV.14_LT | 78 | | | |

| STT | Ngày thi, nộp bài tập lớn/TL | Mã học phần | Tên học phần | Số TC | Tên lớp tín chỉ | SLSV | Hình thức thi | Thời gian chấm dự kiến | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 26 | Ngày 04/01/2027 | SLF25-2001 | Luật Hành chính và tố tụng hành chính | 5 | SLF25-2001-2505LHO+2505TTR.1_LT | 63 | Trắc nghiệm | Ngày 04/01/2027 | |
| | | | | | SLF25-2001-2505LHO+2505TTR.2_LT | 63 | | | |
| | | | | | SLF25-2001-2505LHO+2505TTR.3_LT | 61 | | | |
| | | | | | SLF25-2001-2505LHO+2505TTR.4_LT | 69 | | | |
| 27 | 2 ca 14h00 và 15h00 ngày 04/01/2027 | SLF25-1006 | Luật Hành chính Việt Nam | 2 | SLF25-1006-2505QLN.1_LT | 63 | Trắc nghiệm trên máy | Ngày 04/01/2027 | |
| | | | | | SLF25-1006-2505QLN.2_LT | 74 | | | |
| 28 | Ngày 05/01/2027 | ISF0012 | Kỹ năng số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo | 4 | ISF0012-2505KTE.1_LT | 29 | Thực hành - Vấn đáp | Ngày 05/01/2027 | Phòng máy số 10 đường 3/2 |
| | | | | | ISF0012-2505KTE.2_LT | 29 | | | |
| | | | | | ISF0012-2505KTE.3_LT | 31 | | | |
| | | | | | ISF0012-2505KTE.4_LT | 31 | | | |
| | | | | | ISF0012-2505KTE.5_LT | 30 | | | |
| | | | | | ISF0012-2505KTE.6_LT | 35 | | | |
| 29 | 8h00 ngày 06/01/2027 | ASF2078 | Thủ tục hành chính | 2 | ASF2078-2305LHO+2505LTH+2505VTL.1_LT | 62 | Trắc nghiệm | Ngày 06/01/2027 | |
| | | | | | ASF2078-2305LHO+2505LTH+2505VTL.2_LT | 68 | | | |
| | | | | | ASF2078-2305LHO+2505LTH+2505VTL.3_LT | 55 | | | |

| STT | Ngày thi, nộp bài tập lớn/TL | Mã học phần | Tên học phần | Số TC | Tên lớp tín chỉ | SLSV | Hình thức thi | Thời gian chấm dự kiến | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 30 | Từ 14h00 ngày 06/01/2027 đến hết ngày 08/01/2027 | ISF0013 | Tiếng Anh giao tiếp và hội nhập | 5 | ISF0013-2505QTN+2505QTV+2505XDD.1_LT | 34 | Trắc nghiệm + tự luận | Từ 14h00 ngày 06/01/2027 đến hết ngày 08/01/2027 | Phòng máy số 10 đường 3/2 |
| | | | | | ISF0013-2505QTN+2505QTV+2505XDD.2_LT | 30 | | | |
| | | | | | ISF0013-2505QTN+2505QTV+2505XDD.3_LT | 35 | | | |
| | | | | | ISF0013-2505QTN+2505QTV+2505XDD.4_LT | 32 | | | |
| | | | | | ISF0013-2505QTN+2505QTV+2505XDD.5_LT | 32 | | | |
| | | | | | ISF0013-2505QTN+2505QTV+2505XDD.6_LT | 31 | | | |
| | | | | | ISF0013-2505QTN+2505QTV+2505XDD.7_LT | 38 | | | |
| | | | | | ISF0013-2505QTN+2505QTV+2505XDD.8_LT | 38 | | | |
| | | | | | ISF0013-2505QTN+2505QTV+2505XDD.9_LT | 37 | | | |
| | | | | | ISF0013-2505QTN+2505QTV+2505XDD.10_LT | 39 | | | |
| | | | | | ISF0013-2505QTN+2505QTV+2505XDD.11_LT | 38 | | | |
| | | | | | ISF0013-2505QTN+2505QTV+2505XDD.12_LT | 41 | | | |